TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 30 - 7 - 2019
V/v Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn A Đam
Các Thẩm phán: Bà: Nguyễn Thị Hiền
Bà: Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Nhớ là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 27/2019/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung"*.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 102/2019/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Th bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Ngọc H - sinh năm 1991 (có mặt)
Thường trú: Ấp Mũi Tr, xã Khánh Bình T, huyện Trần Văn Th, tỉnh Cà Mau.
Chỗ ở hiện nay: Ấp 2, xã Khánh L, huyện UM, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn*: Anh Trương Hải Đ - sinh năm 1988 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp Mũi Tr, xã Khánh Bình T, huyện Trần Văn Th, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
1. Bà Tôn Hồng T – sinh năm 1966 (có mặt)
2. Ông Trương Minh Th – sinh năm 1966 (có mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp Mũi Tr, xã Khánh Bình T, huyện Trần Văn Th, tỉnh Cà Mau.
3. Ông Phan Văn B – sinh năm 1967 (có mặt)
4. Bà Lý Hồng C – sinh năm 1972 (có mặt)
Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã Khánh L, huyện UM, tỉnh Cà Mau
5. Ông Hà Văn Ch (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Kinh D, xã Khánh Bình T, huyện Trần Văn Th, tỉnh Cà Mau

- *Người kháng cáo:* Anh Trương Hải Đ - Bị đơn, ông Trương Minh Th, bà Tôn Hồng T - Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nguyên đơn chị Phan Ngọc H trình bày:*

- Về hôn nhân: Năm 2013, chị H và anh Trương Hải Đ tự nguyện chung sống với nhau và có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh L, huyện UM, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không hợp nhau. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị H yêu cầu ly hôn với anh Đ.

- Về nuôi con chung: Chị H và anh Đ có 01 người con chung là Trương Cac Men, sinh ngày 31-12-2014 đang sống với anh Đ đang học mẫu giáo. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 5.000.000 đồng. Lý do anh Đ là chủ tiệm vàng, có thu nhập cao.

- Về tài sản chung:

+ Năm 2018, chị H và anh Đ mua 01 máy chụp hình trị giá 48.000.000 đồng, anh Đ đang quản lý.

+ Năm 2018 chị H và anh Đ đã hốt chưng hụi do bà Trương Thu Hiền - Phó hiệu trưởng Trường Mầm Non xã Khánh Bình Tây làm chủ với số tiền 57.200.000 đồng do anh Đ quản lý (hụi đã mãn). Quá trình chơi hụi, chị H đã đóng được 3-4 lần, mỗi lần đóng hụi là 470.000 đồng. Sau đó chị H giao cho bà T đóng hụi dùm.

+ Năm 2018, chị H và anh Đ có tham gia 01 chưng hụi, loại 2.000.000 đồng, gồm 23 chưng, mỗi tháng khui 01 lần do ông Hà Văn Ch làm chủ hụi (ấp Kinh Dớn, xã Khánh Bình T). Chị H đã đóng 06 lần 12.000.000 đồng (chưa hốt), chị H đồng ý giao chưng hụi cho anh Đ và yêu cầu chia cho chị H 6.000.000 đồng.

- 10 chỉ vàng 24K do chị H quản lý (do vợ chồng mua).

Tổng cộng 117.200.000 đồng và 10 chỉ vàng 24K.

Chị H yêu cầu anh Đ chia đôi, mỗi người được 58.600.0000 đồng, chị H đồng ý giao cho anh Đ 05 chỉ vàng 24K.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H thống nhất giá trị của máy chụp hình là 24.000.000 đồng và yêu cầu chia đôi số tiền 57.200.000 đồng, 10 chỉ vàng 24K do chị H quản lý. Đồng thời rút lại yêu cầu chia đôi 12.000.000 đồng tiền hụi do ông Hà Văn Ch và bà Phan Út E làm chủ.

- Về tài sản riêng: Tháng 8-2016 chị H cho cha mẹ chồng là ông Trương Minh Th và bà Tôn Thị T mượn 50 chỉ vàng 24K (không có giấy tờ). Trong đó cha mẹ chồng cho riêng chị H 40 chỉ vàng 24K trong ngày cưới, cô bác bên chồng cho 07 chỉ vàng 24K và của chị H và anh Đ 03 chỉ vàng 24K. Khi ly hôn, chị H yêu cầu ông Th và bà T trả lại cho chị 50 chỉ vàng 24K. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H xác định 50 chỉ vàng 24K này là tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu chia theo pháp luật.

Ngoài ra, chị H không thừa nhận việc anh Đ giao cho chị H số tiền 600.000.000 đồng và không thừa nhận mượn 06 chỉ vàng 24K và 18 chỉ 07 ly vàng 18K như anh Đ và bà T trình bày. Riêng 35 chỉ vàng 18K là tài sản của cha mẹ ruột cho riêng chị H trong ngày xuất giá nên không đồng ý chia.

Về nợ chung: Không có.

** Theo đơn khởi kiện phản tố ngày 05-01-2019 bị đơn là anh Trương Hải Đ trình bày:*

- Về hôn nhân: Về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị H trình bày. Chị H yêu cầu ly hôn, anh Đ đồng ý.

- Về nuôi con chung: Anh Đ và chị H có 01 người con chung là Trương Cac Men, sinh ngày 31-12-2014 đang sống với anh Đ. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được nuôi con, không đồng ý giao con cho chị H nuôi dưỡng, vì chị H không có nghề nghiệp ổn định. Anh Đ không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung:

+ Cha mẹ cho chung vợ chồng trong ngày cưới là 50 chỉ vàng 24K, 10 chỉ vàng 18K và cha mẹ vợ cho anh Đ và chị H 35 chỉ vàng 24K, tổng cộng 85 chỉ vàng 24K và 10 chỉ vàng 18K, do chị H đang quản lý, số vàng này cha mẹ hai bên cho chung anh Đ và chị H trong ngày cưới.

+ Vợ chồng làm nghề chụp ảnh, quay phim, in thiệp cưới thu nhập mỗi tháng 10.000.000 đồng. Anh Đ đưa cho chị H quản lý tổng cộng 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Ngoài ra không có tài sản chung nào khác.

Anh Đ yêu cầu chị H chia đôi, mỗi người được 42,5 chỉ vàng 24K, 05 chỉ vàng 18K và số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Đối với máy chụp hình, cha mẹ ruột cho tiền anh Đ mua với giá 47.000.000 đồng (mua trong thời kỳ hôn nhân), là tài sản riêng của anh Đ nên không đồng ý phân chia. Tại phiên tòa anh Đ thống nhất giá trị còn lại của máy ảnh là 24.000.000 đồng.

Đối với số tiền hốt hụi 57.200.000 đồng, ngày 09-6-2018 anh Đ có tham gia 01 chưng hụi ngày do bà Trương Thu Hiền - Phó hiệu trưởng Trường Mầm Non xã Khánh Bình Tây làm chủ hụi, hụi đã mãn. Tuy nhiên, số tiền đóng hụi của cha mẹ anh Đ, không phải là tài sản chung của vợ chồng.

Năm 2018, anh Đ có tham gia 01 chưng hụi, loại 2.000.000 đồng, gồm 23 chưng, mỗi tháng khui 01 lần do ông Hà Văn Ch làm chủ hụi (ấp Kinh Dớn, xã Khánh Bình T). Hụi này của riêng cha mẹ anh Đ, không phải hụi chung của anh Đ và chị H nên không đồng ý chia theo yêu cầu của chị H.

Đối với yêu cầu của chị H buộc cha mẹ anh phải trả 50 chỉ vàng 24K là không đúng, đây là tài sản chung của vợ chồng anh Đ và chị H.

- Về nợ chung: Không có.

** Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 05-01-2019 và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tôn Hồng T trình bày:*

Ngày 22-12-2013 gia đình bà có tổ thức đám cưới cho con ruột là anh Trương Hải Đ và chị Phan Ngọc H.

Cuối năm 2016, bà T cho cháu nội là Trương Cac Men 03 chiếc nhẫn 06 chỉ vàng 24K và 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 18K, do chị H quản lý.

Năm 2018, chị H có hỏi mượn bà T 01 sợi dây chuyền 05 chỉ 02 ly vàng 18K, 01 sợi dây chuyền 02 chỉ 05 ly vàng 18K, 01 chiếc lắc 06 chỉ vàng 18K, tổng cộng 13 chỉ 07 ly vàng 18K.

Bà T yêu cầu chị H trả 06 chỉ vàng 24K và 18 chỉ 07 ly vàng 18K.

Đối với số vàng chị H yêu cầu, bà T không có mượn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Minh Th thống nhất trình bày của bà T. Ông Th xác định không có mượn vàng nên không đồng ý trả vàng cho chị H.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 02-4-2019, bà Phạm Út Em (vợ của ông Hà Văn Ch) trình bày:*

Ngày 20-4-2018 bà Tôn Hồng T có tham gia 01 chưng hụi do bà Út Em làm chủ, loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, gồm 23 chưng, bà T trực tiếp đóng hụi và lấy tên Hải Đ. Đến nay bà T đã đóng được 10 lần hụi sống, chưa hốt. Chị Phan Ngọc H và anh Trương Hải Đ không có tham gia. Chưng hụi này do bà Út Em làm chủ, ông Hà Văn Ch không có tham gia và không biết hụi này. Bà Út Em thống nhất để ông Ch tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

** Tại biên bản hòa giải ngày 04-3-2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn B và bà Lý Hồng C thống nhất trình bày:*

Ông B và bà C xác định 35 chỉ vàng 18K là tài sản riêng của chị Phan Ngọc H, ông bà cho riêng con gái trong ngày xuất giá, không đồng ý chia cho anh Đ.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 102/2019/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Th quyết định:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 217, 228 và 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 33, 38, 39, 40, 51, 55, 58, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phan Ngọc H và anh Trương Hải Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Trương Cac Men, sinh ngày 31-12-2014 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung:

3.1 Buộc anh Trương Hải Đ giao cho chị Phan Ngọc H số tiền 12.900.000 đồng (Mười hai triệu chín trăm nghìn đồng).

3.2. Buộc ông Trương Minh Th và bà Tôn Hồng T có trách nhiệm trả cho chị Phan Ngọc H 40 (bốn mươi) chỉ vàng 24K.

3.3 Buộc chị Phan Ngọc H giao lại cho anh Trương Hải Đ 30 (ba mươi) chỉ vàng 24K.

3.4 Số tiền chênh lệch chị H không được chấp nhận là 27.700.000 đồng (Hai mươi bảy triệu bay trăm nghìn đồng) và 10 chỉ vàng 24K.

3.5 Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị H về việc buộc anh Đ chia số tiền hụi 12.000.000 đồng do ông Hà Văn Ch và bà Phan Út E làm chủ.

3.6 Không chấp nhận yêu cầu của anh Đ về việc chia đôi 35 (ba mươi lăm) chỉ vàng 24K (mỗi người 17,5 chỉ vàng 24K), 10 chỉ vàng 18K và 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Tôn Hồng T về việc buộc chị Phan Ngọc H trả 06 chỉ vàng 24K và 18 chỉ 07 ly vàng 18K.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/5/2019, anh Trương Hải Đ có kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu chia đôi số vàng cha mẹ vợ cho vợ chồng trong ngày cưới là 35 chỉ vàng 24k, không đồng ý chia ½ giá trị máy chụp hình là 12.000.000 đồng cho chị H.

Ngày 17/5/2019, ông Th, bà T kháng cáo không chấp nhận trả 40 chỉ vàng 24k cho nguyên đơn, ông bà cho rằng không có mượn; Bà T yêu cầu nguyên đơn trả cho bà 06 chỉ vàng 24k và 18 chỉ 07 ly vàng 18k; ông Th yêu cầu Trương Hải Đ trả cho ông máy chụp hình. Tại phiên tòa ông Th, bà T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ngoài ra, ông Th yêu cầu được giám định giọng nói trong đoạn ghi âm mà Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Th đã dịch vào ngày 17/3/2019, ông Th cho rằng không phải giọng nói của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh Trương Hải Đ; ông Trương Minh Th, bà Tôn Hồng T; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét yêu cầu kháng cáo của anh Trương Hải Đ yêu cầu chia đôi số vàng cha mẹ vợ cho vợ chồng anh trong ngày cưới là 35 chỉ vàng 24k, không đồng ý chia ½ giá trị máy chụp hình là 12.000.000 đồng cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1.1]. Đối yêu cầu chia đôi số vàng 35 chỉ vàng 24K cha mẹ vợ là cho vợ chồng anh trong ngày cưới: Đối với 35 chỉ vàng, các bên không thống nhất là vàng 24K hay 18K. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm phía nguyên đơn có cung cấp giấy xác nhận của ông Phan Hữu Thích là chủ lễ trong ngày vu quy của chị H xác định ông B cho con gái là 35 chỉ vàng 18K nhưng lúc tặng quà chỉ công bố chứ ông B đã cho con gái trước đây, lời trình bày của ông Thích phù hợp với chứng cứ USB do

nguyên đơn và bị đơn cung cấp. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, ông B và bà C xác định số vàng này cho riêng con gái trong ngày xuất giá, trước khi làm lễ cưới. Theo phong tục tập quán ở địa phương thì đây là của hồi môn, là tài sản riêng của chị H. Do đó cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của anh Đ chia đôi 35 chỉ vàng 24K là có căn cứ.

[1.2]. Xét kháng cáo của anh Đ không đồng ý chia ½ giá trị máy chụp hình cho chị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh Đ cho rằng đây là tiền của cha, mẹ cho anh Đ để mua sắm nhưng không có chứng cứ chứng minh. Mặc khác, tại phiên tòa anh Đ, chị H thống nhất là cùng nhau đi mua máy chụp hình trong thời kỳ hôn nhân, nên đây là tài sản chung của vợ chồng anh Đ, chị H. Cấp sơ thẩm buộc anh Đ phải hoàn lại cho chị H ½ giá trị với số tiền 12.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định nên không chấp nhận kháng cáo này của anh Đ.

[2]. Xét kháng cáo của ông Th, bà T không chấp nhận trả 40 chỉ vàng 24k cho nguyên đơn, ông bà cho rằng không có mượn, bà T yêu cầu nguyên đơn trả cho bà 06 chỉ vàng 24k và 18 chỉ 07 ly vàng 18k. Ông Th yêu cầu anh Đ trả cho ông máy chụp hình.

[2.1]. Đối với yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả 40 chỉ vàng 24k: Tại cấp sơ thẩm chị H yêu cầu ông Th và bà T trả 50 chỉ vàng 24K để vợ chồng chia đôi. Ông Th và bà T không thừa nhận; tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, cụ thể là biên bản dịch đoạn ghi âm ngày 27-3-2019, ông Th thừa nhận giọng nam trong đoạn ghi âm là của mình. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Th yêu cầu giám định giọng nói trong đoạn ghi âm mà Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Th đã dịch vào ngày 27/3/2019 không phải của ông. Hội đồng xét xử xét thấy, nội dung bản dịch đoạn ghi âm ngày 27/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Th có thể hiện là "lời trình bày của ông Th: Thừa nhận giọng nói (Nam) là của ông Th, ông Th đã được nghe đọc lại và có ký tên và không có ý kiến gì về giọng nói của mình chỉ có ý kiến là không có mượn vàng của chị H. Ngoài ra, trong giai đoạn xét xử sơ thẩm ông Th cũng không có ý kiến gì về nội dung biên bản dịch đoạn ghi âm ghi lời trình bày của ông Th xác định giọng nói (nam) là của ông. Do đó, có cơ sở xác định ông Th đã thừa nhận giọng nói là của ông trong bản dịch đoạn ghi âm ngày 27/3/2019 là của ông, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu giám định giọng nói của ông Th. Nội dung đoạn ghi âm: Ông Th thừa nhận mượn bốn cây vàng của chị H, cụ thể: *"... Nam: Để chẳng bốn cây thôi đâu phải năm cây. Nữ: Dạ con để bốn cây nhưng mà phần cha mượn con là năm cây. Nam: Thì để riêng cái đó đi đâu tính, đâu có mượn cái gì thì chừng nào ấy ra đó người ta tính thì trả chứ gì đâu, thì cho con bốn cây thì để trong đó bốn cây đi"*. Như vậy, có căn cứ cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của chị H, buộc ông Th và bà T giao 40 chỉ vàng 24K cho chị H để chia theo pháp luật. Cả chị H và anh Đ đều xác định tài sản chung là 50 chỉ vàng 24K, cho ông Th, bà T mượn 40 chỉ, chị H quản lý 10 chỉ, nên buộc chị H giao lại cho anh Đ 25 chỉ vàng 24K là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Th và bà T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[2.2]. Đối với kháng cáo bà T yêu cầu chị H trả cho bà 06 chỉ vàng 24k và 18 chỉ 07 ly vàng 18k: Tại phiên tòa, chị H không thừa nhận có mượn số vàng này của bà T, bà T không có chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T.

[2.3]. Đối với nội dung kháng cáo ông Th yêu cầu anh Đ trả cho ông máy chụp hình, thấy rằng: Tại cấp sơ thẩm ông Th không có yêu cầu nội dung này, ông Th kháng cáo cấp phúc thẩm không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

[2].Từ những phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh Trương Hải Đ, bà Tôn Hồng T, ông Trương Minh Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 102/2019/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Th, tỉnh Cà Mau.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4]. Án phí phúc thẩm anh Đ, bà T, ông Th phải chịu theo quy định.

[5]. Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết; có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anhTrương Hải Đ, bà Tôn Hồng T, ông Trương Minh Th.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số:102/2019/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Th.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phan Ngọc H và anh Trương Hải Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Trương Cac Men, sinh ngày 31-12-2014 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung:

3.1 Buộc anh Trương Hải Đ giao cho chị Phan Ngọc H số tiền 12.900.000 đồng (Mười hai triệu chín trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3.2 Buộc ông Trương Minh Th và bà Tôn Hồng T có trách nhiệm trả cho chị Phan Ngọc H 40 (bốn mươi) chỉ vàng 24K.

3.3 Buộc chị Phan Ngọc H giao lại cho anh Trương Hải Đ 30 (ba mươi) chỉ vàng 24K.

3.4 Số tiền chênh lệch chị H không được chấp nhận là 27.700.000 đồng (Hai mươi bảy triệu bay trăm nghìn đồng) và 10 chỉ vàng 24K.

3.5 Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị H về việc buộc anh Đ chia số tiền hụi 12.000.000 đồng do ông Hà Văn Ch và bà Phan Út E làm chủ.

3.6 Không chấp nhận yêu cầu của anh Đ về việc chia đôi 35 (ba mươi lăm) chỉ vàng 24K (mỗi người 17,5 chỉ vàng 24K), 10 chỉ vàng 18K và 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Tôn Hồng T về việc buộc chị Phan Ngọc H trả 06 chỉ vàng 24K và 18 chỉ 07 ly vàng 18K.

5. Về án phí:

5.1 Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 5.970.000 đồng án phí chia tài sản chung. Ngày 18-12-2018, chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002530 và 6.208.000 đồng theo biên lai thu số 0002531 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Th, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ, chị H được nhận lại 238.000 đồng.

5.2 Anh Đ phải chịu 5.970.000 đồng án phí chia tài sản chung. Ngày 10-01-2019, anh Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí 11.306.000 đồng theo biên lai thu số 0002602 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Th, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ, anh Đ được nhận lại 5.336.000 đồng.

5.3 Bà T phải chịu 3.496.000 đồng đối với yêu cầu không được chấp nhận. Riêng ông Th và bà T phải chịu 7.100.000 đồng đối với án phí có nghĩa vụ.

5.4 Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh Đ, ông Th, bà T mỗi người phải chịu là 300.000 đồng. Ngày 17/5/2019 anh Đ, ông Th, bà T cùng dự nộp số 300.000 đồng theo Biên lai số 0003128, 0003126, 0003127 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Th được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy đinh tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Th;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn A Đam